

CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT NHÀ ĐẸP ĐÔ THỊ
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NỘI THẤT NHÀ ĐẸP ĐÔ THỊ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: FURNITURE FOR BEAUTIFUL URBAN HOUSES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: FUH .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107923184

3. Ngày thành lập: 17/07/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 26 đường Chùa Hà, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02432373405

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
2.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
3.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
4.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
5.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
6.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
7.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
9.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
10.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
11.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
12.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
13.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn	7220
14.	Cho thuê xe có động cơ	7710
15.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
16.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
17.	Sản xuất thiết bị truyền thông Chi tiết: Sản xuất thiết bị viễn thông	2630

18.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
19.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
20.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
21.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
22.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
23.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
24.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
25.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
26.	Bán mô tô, xe máy	4541
27.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
28.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
29.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
30.	Bốc xếp hàng hóa	5224
31.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
32.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
33.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
34.	Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí)	6312
35.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
36.	Thu gom rác thải độc hại	3812
37.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
38.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
39.	Tái chế phế liệu	3830
40.	Xây dựng nhà các loại	4100
41.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ	4210
42.	Xây dựng công trình công ích	4220
43.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
44.	Phá dỡ	4311
45.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
46.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
47.	Khai thác và thu gom than non	0520
48.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
49.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
50.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
51.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513

52.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
53.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
54.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
55.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
56.	Khai thác quặng sắt	0710
57.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
58.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
59.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
60.	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
61.	Khai thác và thu gom than bùn	0892
62.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
63.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
64.	Khai thác dầu thô	0610
65.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
66.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
67.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
68.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
69.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
70.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
71.	Sản xuất giày dép	1520
72.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
73.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
74.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
75.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
76.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
77.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
78.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
79.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
80.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
81.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
82.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
83.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
84.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
85.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
86.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
87.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
88.	Sản xuất xe có động cơ	2910

89.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
90.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
91.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
92.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
93.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
94.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
95.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
96.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
97.	Lập trình máy vi tính	6201
98.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
99.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
100.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
101.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
102.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
103.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
104.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
105.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
106.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5221
107.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
108.	In ấn	1811
109.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
110.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
111.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
112.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
113.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
114.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
115.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
116.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759(Chính)
117.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669

118.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
119.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
120.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
121.	Bán buôn tổng hợp	4690
122.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
123.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 100.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THU NHUNG	Số 3 ngõ 341 phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	95.000	9.500.000.000	95,000	N1432122	
			Tổng số	95.000	9.500.000.000	95,000		
2	PHẠM THỊ THAO	26 TT Bộ VHTT, tổ 23, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.000	300.000.000	3,000	013468225	
			Tổng số	3.000	300.000.000	3,000		
3	ĐỖ VĂN CHUNG	Thôn An Thọ, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	2.000	200.000.000	2,000	B3411817	
			Tổng số	2.000	200.000.000	2,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THU NHUNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 13/02/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: N1432122

Ngày cấp: 15/02/2011

Nơi cấp: *ĐSQ Việt Nam tại Hoa Kỳ*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 3 ngõ 341 phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 3 ngõ 341 phố Vọng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội